TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-PT
Ngày 05/7/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ;

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Th;

Địa chỉ: Số 40, ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Sơn Nh;

Địa chỉ: Số 45, ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Sơn Thái N;

Địa chỉ: Số 19, ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lý Thị Sà B (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lý Thị Sà B:

1.1. Ông Trần Ph;

Địa chỉ: Số 36, ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

1.2. Bà Trần Thị Th1;

Địa chỉ: Số 161, ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

1.3. Ông Trần Sầm Ư;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

1.4. Ông Trần H;

Địa chỉ: Ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ: Đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M: Ông Ngô Minh L; chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M; là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M (văn bản ủy quyền số 966/UBND-VP ngày 24/12/2020). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Ông Trần Ph;

Địa chỉ: Số 36, ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Bà Lâm Thị N1;

5. Ông Sơn Thái B1;

6. Bà Sơn Thị Kim N2;

7. Bà Tăng Kim Q;

8. Bà Trần Thị B2;

9. Ông Sơn Trung Q1;

10. Bà Sơn Thị N3;

11. Bà Sơn Thị Mỹ D;

12. Bà Sơn Tường V;

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Sơn Nh và ông Sơn Thái N - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lý Th trình bày:

Trước đây vào năm 1999, ông có sang nhượng phần đất thổ cư của bà Lý Thị Sà B (đã chết) với chiều ngang 5m, dài 33m, đất tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Khi sang nhượng có làm giấy chữ viết tay do bà B cùng ông Trần Ph (con bà B) thống nhất sang nhượng số đất này, có xác nhận của chính quyền địa phương là ông Sơn D1 ký, nhưng chưa làm giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, ông sử dụng ổn định không có tranh chấp. Khi Nhà nước làm lộ đal thì cắt qua phần đất của ông, còn lại phía bên lộ là ngang 5m, dài 6m phần này ông làm vườn trồng bông.

Vào khoảng 15 giờ ngày 08/01/2016, ông Sơn Nh nói đất này không phải đất của ai hết, vì vậy ông Nh cùng ông Sơn Thái N đến phá nhổ vườn trồng bông của ông. Ông có làm đơn gửi đến Tổ hòa giải ấp giải quyết. Tại đây, ông Nh và ông N cho rằng đất này của ông N mua của ông Ph.

Nay ông yêu cầu ông Nh và ông N trả lại phần đất đã chiếm của ông có diện tích theo đo đạc thực tế là 29,6m^2, đất tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Sơn Thái N trình bày:

Vào năm 1992, ông có qua thỏa thuận với ông Trần Ph (con bà B) sang nhượng lối đi trên đất của ông Ph, vì khi đó không có lối đi nên bất tiện cho việc đi lại, ông chỉ thỏa thuận khai phá gốc tre và dứa gai để có lối đi chứ không mua đất, với giá 01 giạ lúa, với chiều dài 31m, chiều ngang thì không có đo đạc. Việc ông Th nói ông chặt phá vườn trồng bông là không đúng sự thật, vì trên phần đất này từ đó đến nay để trống không ai trồng trọt gì, hiện tại thì ông Th đã rào lại lối đi này. Nay ông Th yêu cầu ông trả lại phần đất này thì ông không đồng ý, vì phần đất này ông sử dụng từ năm 1992 đến nay, hơn nữa hiện tại phần đất này đang là lối đi thuận tiện cho việc đi lại của mọi người.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Sơn Nh trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Sơn Thái N, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Sà B (lúc còn sống) trình bày:

Phần đất tranh chấp giữa ông Lý Th với ông Sơn Nh và ông Sơn Thái N có nguồn gốc là của bà trước đây, nhưng bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà có chuyển nhượng phần đất cho ông Th, khi chuyển nhượng đất cho ông Th thì bà có làm giấy tay nhưng không có đo đạc thực tế. Đối với phần đất hiện tranh chấp giữa ông Th, ông Nh, ông N thì trước đây ông Ph có đổi cho ông Nh, ông N bằng 01 giạ lúa, khi đổi không có làm giấy tờ. Nay đối với các phần đất trên bà không có yêu cầu gì nữa, do bà đã chuyển nhượng và cho rồi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ph trình bày:

Vào năm 1999, mẹ ông là bà Lý Thị Sà B có chuyển nhượng cho ông Th phần đất, lúc đó ông đang đi cắt lúa về thì thấy hai bên có làm giấy tay mua bán, mẹ ông kêu ông ký tên thì ông ký tên vào giấy sang nhượng chứ ông cũng không biết rõ mẹ ông chuyển nhượng đất cho ông Th diện tích đất bao nhiêu,

khi đó phần đất này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với giấy tờ bán đất ngày 12/8/1999, ông thừa nhận đúng là chữ ký của ông. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Th thì ông không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M có Văn bản số 737/UBND-VP ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Văn bản số 724/UBND-VP ngày 17 tháng 10 năm 2019 gửi cho Tòa án trình bày:

Theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và theo sơ đồ đo đạc ngày 19/12/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, phần đất diện tích 29,6m^2, tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thuộc hành lang đường lộ bê tông. Căn cứ Điều 157 Luật đất đai năm 2013, Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được sử dụng đất phải lập thủ tục công nhận phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn (hành lang lộ giới) công trình đường giao thông, thủy lợi (trước đây cấp cho người sử dụng đất đã trừ phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn (hành lang lộ giới), công trình giao thông, thủy lợi. Do đó đất hành lang lộ giới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định *(trừ trường hợp quy định tại Điều 19 Nghị định 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai)*.

Phần đất tranh chấp trên giữa ông Lý Th với ông Sơn Nh, ông Sơn Thái N thuộc đất hành lang bảo vệ công trình đường bê tông thuộc ấp Ph (lộ giao thông nông thôn) nhà nước không có giải phóng mặt bằng và không có thu hồi đất của người dân. Khi giải quyết mà có căn căn cứ chấp nhận yêu cầu của một trong hai bên đương sự thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Lâm Thị N1, Sơn Thái B1, Sơn Thị Kim N2, Tăng Kim Q, Trần Thị B2, Sơn Trung Q1, Sơn Thị N3, Sơn Thị Mỹ D, Sơn Tường V không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Tại Bản án số 08/2023/DS-ST ngày 09/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Th đối với ông Sơn Nh và ông Sơn Thái N. Buộc ông Sơn Nh, ông Sơn Thái N, bà Lâm Thị N1, ông Sơn Thái B1, bà Sơn Thị Kim N2, bà Tăng Kim Q, bà

Trần Thị B2, ông Sơn Trung Q1, bà Sơn Thị N3, bà Sơn Thị Mỹ D, bà Sơn Tường V phải trả cho ông Lý Th phần đất có diện tích 29,6m^2, thuộc thửa 1113, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có vị trí số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với phần đất ông Sơn Nh có số đo 5m;

- Hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 5m;

- Hướng Nam giáp đất bà Sà B có số đo 5,9m;

- Hướng Bắc giáp với phần đất ông Sơn S có số đo 6,5m.

(Kèm theo các sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập)

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Đến ngày 14/3/2023, ông Sơn Nh và ông Sơn Thái N cùng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Th và 02 ông không đồng ý trả cho ông Th phần đất đang tranh chấp có diện tích 29,6m^2, thửa số 1113, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, vì đây là đường đi các ông đã mua của bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Th không rút đơn khởi kiện; ông Nh và ông N không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, phần đất tranh chấp giữa ông Th với ông Nh và ông N thuộc hành lang bảo vệ công trình đường bê tông, chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai và thuộc quản lý của Nhà nước, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Trần Ph, Lâm Thị N1, Sơn Thái B1, Sơn Thị Kim N2, Tăng Kim Q, Trần Thị B2, Sơn Trung Q1, Sơn Thị N3, Sơn Thị Mỹ D, Sơn Tường V, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M, người kế thừa quyền, nghĩa

vụ tố tụng của bà Lý Thị Sà B là các ông, bà Trần Ph, Trần Thị Th1, Trần Sầm Ư, Trần H: Những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt và không có kháng cáo, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Sơn Nh và Sơn Thái N đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Về phần đất tranh chấp: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2017, ngày 26/6/2018 và sơ đồ vị trí các ngày 19/12/2017, ngày 10/7/2018, ngày 16/7/2020 thì phần đất tranh chấp giữa ông Th với ông Nh và ông N có diện tích thực tế là 29,6m^2, có tứ cận: Hướng Đông giáp với phần đất của ông Nh có số đo 5m, hướng Tây giáp lộ bê tông có số đo 5m, hướng Nam giáp đất bà B có số đo 5,9m và hướng Bắc giáp với phần đất ông Sơn S có số đo 6,5m.

[5] Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 28/4/2017 của Hội đồng hòa giải xã Th, huyện M kết luận phần đất tranh chấp diện tích 29,6m^2 giữa ông Lý Th với ông Sơn Nh, ông Sơn Thái N là phần thuộc đất hành lang lộ giới (bút lục 19).

[6] Theo Công văn số 417/CV-VPĐK ngày 04/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M cung cấp thông tin cho Tòa án (bút lục 269) thì phần đất tranh chấp thuộc thửa 1113, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và đất tranh chấp thuộc hành lang bảo vệ công trình đường bê tông trong sổ mục kê và bản đồ địa chính thuộc đất giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và thuộc quản lý của Nhà nước.

[7] Theo Công văn số 737/UBND-VP ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện M trả lời cho Tòa án về đất tranh chấp (bút lục 80) thì theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và môi trường huyện và theo sơ đồ đo đạc ngày 19/12/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, phần đất diện tích 29,6m^2, tọa lạc tại ấp Ph, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thuộc hành lang đường lộ bê tông. Căn cứ Điều 157 Luật đất đai năm 2013, Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được sử dụng đất phải lập thủ tục công nhận phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn (hành lang lộ giới) công trình đường giao thông, thủy

lợi (trước đây cấp cho người sử dụng đất đã trừ phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn (hành lang lộ giới), công trình giao thông, thủy lợi. Do đó đất hành lang lộ giới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định *(trừ trường hợp quy định tại Điều 19 Nghị định 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai)*.

[8] Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 28/5/2018 của Tòa án (bút lục 67), ông Sử Dương Vũ Tr, là cán bộ địa chính xã Th có cung cấp thông tin phần đất tranh chấp giữa ông Lý Th với ông Sơn Nh, ông Sơn Thái N là đất hành lang lộ giới thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên không thuộc đất gốc của ai, phần đất này khi Nhà nước có nhu cầu mở rộng lộ thì lấy làm lộ, phần đất này trước giờ không bên nào sử dụng.

[9] Như vậy, theo xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai ở địa phương thì phần đất tranh chấp giữa hai bên thuộc hành lang bảo vệ công trình đường bê tông, trong sổ mục kê và bản đồ địa chính thuộc đất giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và thuộc quản lý của Nhà nước, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Lẽ ra khi nhận đơn khởi kiện của ông Th, Tòa án cấp sơ thẩm phải ra thông báo trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp đã thụ lý thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án hoặc Hội đồng xét xử sơ thẩm phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng lại giải quyết, xét xử luôn là không đúng thẩm quyền nên phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[11] Do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bản án sơ thẩm bị hủy toàn bộ và đình chỉ giải quyết vụ án nên đối với kháng cáo của ông Nh và ông N Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định chỗ và định giá tài sản: Ông Lý Th phải chịu là 5.469.379 đồng và đã nộp xong.

[13] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu và ông Th được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên những người kháng cáo là ông Nh, ông N không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST, ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và đình chỉ giải quyết vụ án, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", giữa nguyên đơn ông Lý Th với bị đơn ông Sơn Nh và ông Sơn Thái N.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lý Th phải chịu là 5.469.379 đồng (Năm triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng) và ông đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm**:**

Các đương sự không phải chịu.

Hoản trả cho ông Lý Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005281 ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu.

Hoản trả cho ông Sơn Nh số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007406 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Hoản trả cho ông Sơn Thái N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007407 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm